

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-10-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Chí Hiếu;

Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Lan Anh, là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thu H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ X, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chi P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thu H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Chi P kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết

hôn ngày 01 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện X, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2014, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có một con tên là Nguyễn Duy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2011. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Chi P đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc đã tổng đạt hợp lệ cho anh P các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, hai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H, không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H; về con chung, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con cho chị H nuôi dưỡng; chấp nhận đề nghị của chị H, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn là chị H, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn là anh P không có yêu cầu phản tố, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị H và anh P kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện X, tỉnh Lào Cai ngày 01 tháng 7 năm 2011, đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã có một thời gian dài không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị H ly hôn anh P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa chị H và anh P có một con, tên là Trần Duy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2011, hiện tại cháu T đang được chị H nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu T là cháu muốn được ở với mẹ. Xét đề nghị của chị H muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung, đối với anh P không có ý kiến về yêu cầu này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cháu T được giao cho chị H nuôi dưỡng. Việc chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận. Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H và anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thu H và anh Nguyễn Chi P.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Duy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2011 cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị H và anh P có yêu cầu khác. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thu H phải nộp án phí là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí tài sản đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000889 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh P có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND thị trấn B, huyện X, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường